

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN LÂM BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 267/QĐ-UBND ngày 15/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

| STT | Hạng mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tổng số dự án | Tổng diện tích dự án (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Tăng thêm      |                      | Địa điểm (đến cấp xã) | Ghi chú     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|----------------|----------------------|-----------------------|-------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                           |                                             |                           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất |                       |             |
| (1) | (2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | (3)           | (4)                       | (5)                                         | (6)                       | (7)            | (8)                  | (9)                   | (10)        |
|     | Tổng cộng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 35            | 70,66                     | 67,11                                       | 3,55                      | 67,11          |                      |                       |             |
| I   | Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch                                                                                                                                                       | 30            | 57,46                     | 56,16                                       | 1,30                      | 56,16          |                      |                       |             |
| 1   | Các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tiếp tục triển khai thực hiện năm 2025.                                                                                                                                                                                                                                  | 5             | 9,46                      | 8,16                                        | 1,30                      | 8,16           |                      |                       |             |
| 1.1 | Các công trình, dự án thu hồi đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai (không thuộc khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai)                                                                                                                                                                                                                | 1             | 1,90                      | 0,60                                        | 1,30                      | 0,60           |                      |                       |             |
| 1   | Khu dân cư Noong Phường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1             | 1,90                      | 0,60                                        | 1,30                      | 0,60           | LUC                  | Xã Minh Quang         | Chuyển tiếp |
| 2   | Xây dựng vườn hoa, khu vui chơi thôn Nà Khà, xã Lăng Can (khu đối diện UBND xã Lăng Can) phục vụ các hoạt động văn hóa, vui chơi cho nhân dân gần với phát triển du lịch                                                                                                                                                                 | 1             | 4,00                      | 4,00                                        |                           | 4,00           | LUC; HNK; ONT        | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |
| 1.2 | Các công trình, dự án sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                       | 4             | 7,56                      | 7,56                                        |                           | 7,56           |                      |                       |             |
| 3   | Cây Xăng dầu Hồng Quang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1             | 0,22                      | 0,22                                        |                           | 0,22           | CLN; RSX             | Xã Hồng Quang         | Chuyển tiếp |
| 4   | Mở rộng Nhà máy AngTimon Bình An                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1             | 2,00                      | 2,00                                        |                           | 2,00           | RSX                  | Xã Bình An            | Chuyển tiếp |
| 5   | Mô Đá voi Nà Mèn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1             | 2,66                      | 2,66                                        |                           | 2,66           | RSX                  | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |
| 6   | Mô đá voi Kéo Thém                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1             | 2,68                      | 2,68                                        |                           | 2,68           | RSX                  | Xã Khuôn Hà           | Chuyển tiếp |
| 2   | Các công trình, dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng sau 2 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất đề nghị tiếp tục đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để triển khai thực hiện (khoản 6, Điều 73 Luật đất đai) | 9             | 19,48                     | 19,48                                       |                           | 19,48          |                      |                       |             |
| 2.1 | Các công trình, dự án thu hồi đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai (không thuộc khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai)                                                                                                                                                                                                                | 8             | 16,48                     | 16,48                                       |                           | 16,48          |                      |                       |             |
| 7   | Khu dân cư Bó Ngoạng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1             | 1,40                      | 1,40                                        |                           | 1,40           | LUC                  | Xã Phúc Sơn           | Chuyển tiếp |
| 8   | Quy hoạch điểm khu dân cư Nà Mèn                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1             | 3,60                      | 3,60                                        |                           | 3,60           | LUC; HNK             | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |
| 9   | Mở mới tuyến Tắt Nga xã Phúc Yên đến bến thủy Nà Năm                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1             | 5,50                      | 5,50                                        |                           | 5,50           | LUC; HNK; RPH; RSX   | Xã Phúc Yên           | Chuyển tiếp |
| 10  | Đường lên khu sản xuất (thôn Nặm Chá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1             | 1,50                      | 1,50                                        |                           | 1,50           | HNK; RSX             | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |
| 11  | Dự án xây dựng bến xe khách huyện Lâm Bình (bến xe phía Tây)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1             | 1,00                      | 1,00                                        |                           | 1,00           | HNK; ODT             | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |
| 12  | Nâng cấp mở rộng cụm công trình cấp nước sinh hoạt xã Thổ Bình, Lăng Can, huyện Lâm Bình                                                                                                                                                                                                                                                 | 1             | 0,32                      | 0,32                                        |                           | 0,32           | RSX                  | Thị trấn Lăng Can     | Chuyển tiếp |

| STT  | Hạng mục                                                                                                                                                                               | Tổng số dự án | Tổng diện tích dự án (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Tăng thêm      |                      | Địa điểm (đến cấp xã)      | Ghi chú     |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|----------------|----------------------|----------------------------|-------------|
|      |                                                                                                                                                                                        |               |                           |                                             |                           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất |                            |             |
| 13   | Thủy điện Thác Giổm                                                                                                                                                                    | 1             | 3,06                      | 3,06                                        |                           | 3,06           | LUC; CLN; RSX        | Xã Minh Quang              | Chuyển tiếp |
| 14   | Xây dựng mạch vòng lộ 377 sau TBA 110kV Na Hang với lộ 372 E14.2 sau TBA 110kV Chiêm Hóa                                                                                               | 1             | 0,10                      | 0,10                                        |                           | 0,10           | DGT                  | Xã Phúc Sơn                | Chuyển tiếp |
| 2.2  | <b>Các công trình, dự án sử dụng đất theo quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2024</b>                                                                                              | <b>1</b>      | <b>3,00</b>               | <b>3,00</b>                                 |                           | <b>3,00</b>    |                      |                            |             |
| 15   | Khai thác hầm lò khoáng sản quặng chì - kẽm và khoáng sản vàng đi kèm mỏ Nậm Chá, thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang                                                  | 1             | 3,00                      | 3,00                                        |                           | 3,00           | LUC; RSX             | Thị trấn Lăng Can          | Chuyển tiếp |
| 3    | <b>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>                                                                                                            | <b>16</b>     | <b>28,52</b>              | <b>28,52</b>                                |                           | <b>28,52</b>   |                      |                            |             |
| 16   | Trụ sở công an xã Hồng Quang                                                                                                                                                           | 1             | 0,13                      | 0,13                                        |                           | 0,13           | DGD                  | Xã Hồng Quang              | Chuyển tiếp |
| 17   | Trụ sở công an xã Bình An                                                                                                                                                              | 1             | 0,14                      | 0,14                                        |                           | 0,14           | LUC                  | Xã Bình An                 | Chuyển tiếp |
| 18   | Trụ sở công an xã Thổ Bình                                                                                                                                                             | 1             | 0,30                      | 0,30                                        |                           | 0,30           | CLN                  | Xã Thổ Bình                | Chuyển tiếp |
| 19   | Trụ sở công an xã Minh Quang                                                                                                                                                           | 1             | 0,10                      | 0,10                                        |                           | 0,10           | LUC                  | xã Minh Quang              | Chuyển tiếp |
| 20   | Trụ sở công an thị trấn Lăng Can                                                                                                                                                       | 1             | 0,10                      | 0,10                                        |                           | 0,10           | DGT                  | Thị trấn Lăng Can          | Chuyển tiếp |
| 21   | Trụ sở công an xã Phúc Sơn                                                                                                                                                             | 1             | 0,22                      | 0,22                                        |                           | 0,22           | DYT                  | Xã Phúc Sơn                | Chuyển tiếp |
| 22   | Trụ sở công an xã Khuôn Hà                                                                                                                                                             | 1             | 0,10                      | 0,10                                        |                           | 0,10           | DGD                  | Xã Khuôn Hà                | Chuyển tiếp |
| 23   | Trụ sở công an xã Xuân Lập                                                                                                                                                             | 1             | 0,10                      | 0,10                                        |                           | 0,10           | DGD                  | Xã Xuân Lập                | Chuyển tiếp |
| 24   | Quy hoạch sắp xếp ổn định khu dân cư tập trung thôn Phiêng Luông, xã Bình An                                                                                                           | 1             | 1,50                      | 1,50                                        |                           | 1,50           | LUC; HNK; CLN; RSX   | Xã Bình An                 | Chuyển tiếp |
| 25   | Xây dựng trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên huyện Lâm Bình                                                                                     | 1             | 2,00                      | 2,00                                        |                           | 2,00           | RSX                  | Thị trấn Lăng Can          | Chuyển tiếp |
| 26   | Đường giao thông từ Thổ Bình đến Minh Quang                                                                                                                                            | 1             | 3,00                      | 3,00                                        |                           | 3,00           | LUK; HNK; CLN; RSX   | Xã Thổ Bình, Xã Minh Quang | Chuyển tiếp |
| 27   | Xây dựng đường giao thông từ thôn Nà Vàng xã Khuôn Hà ra bến thủy huyện Lâm Bình thuộc dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.                  | 1             | 12,00                     | 12,00                                       |                           | 12,00          | RPH; RSX             | Xã Khuôn Hà                | Chuyển tiếp |
| 28   | Xây dựng bến thủy Bản Phùng                                                                                                                                                            | 1             | 2,00                      | 2,00                                        |                           | 2,00           | RSX                  | Xã Khuôn Hà                | Chuyển tiếp |
| 29   | Sửa chữa, nâng cấp đường xã Xuân Lập                                                                                                                                                   | 1             | 4,35                      | 4,35                                        |                           | 4,35           | LUC; LUK; CLN; RSX   | Xã Xuân Lập                | Chuyển tiếp |
| 30   | Đường giao thông dọc bờ suối sản vận động thôn Bản Kê lên dân Vằng Hiền thôn Phai Tre xã Lăng                                                                                          | 1             | 1,98                      | 1,98                                        |                           | 1,98           | LUC; HNK             | Thị trấn Lăng Can          | Chuyển tiếp |
| 31   | Xây dựng mới chợ Khuổi Trang - Khuổi Củng, xã Xuân Lập                                                                                                                                 | 1             | 0,50                      | 0,50                                        |                           | 0,50           | HNK                  | Xã Xuân Lập                | Chuyển tiếp |
| II   | <b>Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 điều 116 Luật đất đai dự kiến thực hiện trong năm</b>                                 | <b>4</b>      | <b>10,55</b>              | <b>10,55</b>                                |                           | <b>10,55</b>   |                      |                            |             |
| II.1 | <b>Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai (đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết 78/NQ-HĐND ngày 26/12/2024, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày</b> | <b>1</b>      | <b>0,02</b>               | <b>0,02</b>                                 |                           | <b>0,02</b>    |                      |                            |             |
| 32   | Cầu dân sinh Tổng Quang và cầu Pác Xoan, thôn Khuổi Xoan                                                                                                                               | 1             | 0,02                      | 0,02                                        |                           | 0,02           | HNK                  | Xã Hồng Quang              | Đăng ký mới |

| STT  | Hạng mục                                                                                                                                            | Tổng số dự án | Tổng diện tích dự án (ha) | Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Tăng thêm      |                      | Địa điểm (đến cấp xã) | Ghi chú     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|----------------|----------------------|-----------------------|-------------|
|      |                                                                                                                                                     |               |                           |                                             |                           | Diện tích (ha) | Sử dụng vào loại đất |                       |             |
| II.2 | Dự án đã có trong KHSD đất năm trước, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung diện tích thực hiện và điều chỉnh loại đất thực hiện                   | 3             | 10,53                     | 10,53                                       |                           | 10,53          |                      |                       |             |
| 33   | Xây dựng khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình                                                                              | 1             | 6,00                      | 6,00                                        |                           | 6,00           | LUC; HNK             | Thị trấn Lãng Can     | Chuyển tiếp |
| 34   | Đường từ trụ sở UBND xã Thượng Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình                                                                                    | 1             | 3,53                      | 3,53                                        |                           | 3,53           | LUC; LUK; HNK; CLN   | Xã Thượng Lâm         | Chuyển tiếp |
| 35   | Xây dựng, mô hình bảo tàng sinh thái tại làng văn hoá nhằm bảo tàng hoá DSVH phi vật thể trong cộng đồng các DTTS hướng tới phát triển cộng đồng và | 1             | 1,00                      | 1,00                                        |                           | 1,00           | LUC, NTS             | Thị trấn Lãng Can     | Chuyển tiếp |
| III  | Dự án đấu giá quyền sử dụng đất đối với khu đất đã giải phóng mặt bằng                                                                              | 1             | 2,65                      | 0,40                                        | 2,25                      | 0,40           |                      |                       |             |
| 36   | Khu dân cư Noong Phường                                                                                                                             | 1             | 2,65                      | 0,40                                        | 2,25                      | 0,40           | ONT                  | Xã Minh Quang         | Đăng ký mới |